

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2025/DS-PT

Ngày: 12 tháng 8 năm 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng

Bà Triệu Thị Luyện

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Vân Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - tỉnh Bắc Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa án ra xét xử số 175/2025/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn G, xã B, tỉnh Bắc Ninh (xin vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1969 (có mặt);

2. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1973 (có mặt);

Cùng địa chỉ: thôn G, xã B, tỉnh Bắc Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lương Viết N1, sinh năm 1957; địa chỉ: thôn G, xã B, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N1: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn G, xã B, tỉnh Bắc Ninh (xin vắng mặt)

- Người kháng cáo: bị đơn ông Nguyễn Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày: Do có mối quan hệ làng xóm quen biết nên năm 2017, bà Y có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị N vay số tiền là 245.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh buôn bán gỗ phát triển kinh tế gia đình. Thời hạn vay không xác định, lãi suất thỏa thuận miệng là 02%/tháng và có lập giấy vay tiền chứ không ghi vào quyển sổ nào. Đến ngày 26/5/2020 âm lịch, ông Q có trả bà Y 80.000.000 đồng tiền gốc, chưa trả được khoản lãi nào và xin gia hạn trả nợ nên bà Y và ông Q có viết lại giấy vay tiền và cam kết trả nợ đề ngày 26/5/2020 âm lịch và hủy giấy vay tiền năm 2017. Tuy nhiên, do tuổi cao nên bà Y tính nhầm số tiền ông Q còn nợ là 155.000.000 đồng (chính xác là 165.000.000 đồng), thỏa thuận lãi suất là 01%/tháng. Đến hạn, ông Q chưa trả tiền cho bà Y, bà Y đã nhiều lần đôn đốc ông Q trả tiền nhưng đến nay ông Q vẫn chưa trả số tiền nợ trên cho bà Y. Bà Y xác định không có việc ông Q trả tiền cho bà và ghi vào sổ do bà giữ. Nay, bà Y làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị N phải trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc là 155.000.000 đồng và tiền lãi là 01%/ tháng tính từ ngày 26/5/2020 âm lịch (tức ngày 16/7/2020 dương lịch) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày: Năm 2019, ông có vay bà Y số tiền 150.000.000 để buôn bán gỗ phát triển kinh tế gia đình nhưng hai bên không lập giấy vay tiền mà chỉ ghi vào quyển sổ của bà Y, sổ do bà Y giữ. Khi vay tiền có thỏa thuận lãi suất là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và ghi vào sổ do bà Y giữ. Sau đó, ông Q đã trả cho bà Y tổng cộng là 126.000.000 đồng tiền lãi, trả nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể ngày, tháng, năm trả và số tiền mỗi lần trả, ông Q trả trực tiếp cho bà Y bằng tiền mặt và có ghi vào 01 quyển sổ do bà Y giữ, không có ai chứng kiến việc ông Q trả tiền bà Y, ông Q cũng không giữ tài liệu giấy tờ gì liên quan. Đến ngày 26/5/2020, do ông Q chỉ trả được lãi mà không trả được gốc nên bà Y yêu cầu ông Q viết giấy vay tiền và cam kết trả nợ đề ngày 26/5/2020 âm lịch. Đến năm 2023, ông Q đã trả cho bà Y tổng cộng là 120.000.000 đồng tiền nợ gốc vào các thời điểm: tháng 4/2023 trả 50.000.000 đồng; tháng 7/2023 trả 50.000.000 đồng; cuối tháng 12/2023 trả 20.000.000 đồng. Cả ba lần trả tiền trên đều ghi vào sổ do bà Y giữ, ông Q không giữ bất kỳ giấy tờ gì có liên quan và khi ông Q trả tiền cũng không có ai chứng kiến. Nay ông Q đồng ý trả bà Y số tiền nợ gốc còn nợ lại là 35.000.000 đồng và tính lãi 01%/tháng đối với số tiền nợ gốc tương ứng, cụ thể như sau:

- Tiền lãi 01%/tháng của khoản nợ gốc 155.000.000 đồng tính từ ngày 16/7/2020 dương lịch đến ngày 30/4/2023 dương lịch.
- Tiền lãi 01%/tháng của khoản nợ gốc 105.000.000 đồng tính từ ngày 30/4/2023 dương lịch đến ngày 31/7/2023 dương lịch.
- Tiền lãi 01%/tháng của khoản nợ gốc 55.000.000 đồng tính từ ngày 31/7/2023 dương lịch đến ngày 31/12/2023 dương lịch.

- Tiền lãi 01%/tháng của khoản nợ gốc 35.000.000 đồng tính từ ngày 31/12/2023 dương lịch đến khi ông Q trả xong toàn bộ số nợ.

Bị đơn bà Bùi Thị N trình bày: Bà N là vợ của ông Q, việc ông Q vay tiền của bà Y và ông N1 để mua rừng thì bà N có biết nhưng không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Y. Bà N nhất trí với toàn bộ lời trình bày của ông Q vì vợ chồng ông bà đã trả số tiền lãi và gốc cho bà Y nhiều lần nên hiện nay vợ chồng ông bà chỉ còn nợ bà Y là 35.000.000 đồng tiền gốc nên chỉ đồng ý cùng ông Q trả số tiền này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Viết N1 trình bày: Số tiền bà Y cho ông Q và bà N vay là tài sản chung của vợ chồng, nên ông N1 ủy quyền cho bà Y trình bày và nhất trí theo yêu cầu khởi kiện của bà Y và không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Q: tại giấy biên nhận vay tiền và cam kết trả nợ ngày 26/5/2020 âm lịch có nhiều điểm không đúng như: năm sinh của ông Nguyễn Văn Q là 1967 (trong khi căn cước công dân của ông Nguyễn Văn Q là năm 1969), không ghi số căn cước công dân của người vay tiền, có ghi tên người vay tiền là Bùi Thị N nhưng không có chữ ký, có mục ghi người làm chứng nhưng không có người làm chứng ký tên. Lời khai của bà Y tại đơn khởi kiện và tại biên bản hòa giải là không thống nhất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bị đơn: tuyên ông Q và bà N phải trả cho bà Y và ông N1 số tiền gốc còn nợ là 35.000.000 đồng và tiền lãi là 01%/tháng tương ứng với số tiền gốc của mỗi kỳ tính lãi và thời gian chậm trả như ông Q đã trình bày ở trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh) đã tuyên xử:

Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y: Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị Y và ông Lương Viết N1 số tiền gốc là 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 25/4/2025 là 88.815.000 đồng (Tám mươi tám triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là 243.815.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/5/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn Q kháng cáo toàn bộ bản án; đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên bị đơn chỉ phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 35.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của Nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 25/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế (nay là Tòa án khu vực 3 – Bắc Ninh). Ông Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Viết N1 do bà Y là đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt. Nên căn cứ theo quy định tại điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Văn Q đều thừa nhận có viết giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 26/5/2020 (âm lịch). Do vậy, có căn cứ xác định giữa bà Y và ông Q có thỏa thuận hợp đồng vay tài sản, số tiền vay là 155.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 01%/ tháng, mục đích vay tiền để mua rừng.

Đối với nội dung này, bà Y cho rằng do có mối quan hệ làng xóm quen biết nên năm 2017, bà Y có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị N vay số tiền là 245.000.000 đồng. Đến ngày 26/5/2020 âm lịch, ông Q có trả bà Y 80.000.000 đồng tiền gốc, chưa trả được khoản lãi nào và xin gia hạn trả nợ nên bà Y và ông Q có viết lại giấy vay tiền và cam kết trả nợ đề ngày 26/5/2020 âm lịch và hủy giấy vay tiền năm 2017. Tuy nhiên, do tuổi cao nên bà Y tính nhầm số tiền ông Q còn nợ là 155.000.000 đồng (chính xác là 165.000.000 đồng), thỏa thuận lãi suất là 01%/tháng.

Còn ông Q thì xác định năm 2019, ông có vay bà Y số tiền 150.000.000 để buôn bán gỗ phát triển kinh tế gia đình nhưng hai bên không lập giấy vay tiền mà chỉ ghi vào quyển sổ của bà Y, sổ do bà Y giữ. Ông Q đã trả cho bà Y tổng cộng là 126.000.000 đồng tiền lãi, trả nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể ngày, tháng, năm trả và số tiền mỗi lần trả, ông Q trả trực tiếp cho bà Y bằng tiền mặt và có ghi vào 01 quyển sổ do bà Y giữ, không có ai chứng kiến việc ông Q trả tiền bà Y, ông Q cũng không giữ tài liệu giấy tờ gì liên quan. Đến ngày 26/5/2020, do

ông Q chỉ trả được lãi mà không trả được gốc nên bà Y yêu cầu ông Q viết giấy vay tiền và cam kết trả nợ đề ngày 26/5/2020 âm lịch. Năm 2023, ông xác định đã trả cho bà Y tổng cộng là 120.000.000 đồng tiền nợ gốc vào các thời điểm: tháng 4/2023 trả 50.000.000 đồng; tháng 7/2023 trả 50.000.000 đồng; cuối tháng 12/2023 trả 20.000.000 đồng nên ông Q chỉ đồng ý trả bà Y số tiền nợ gốc còn nợ là 35.000.000 đồng và tính lãi 01%/tháng đối với số tiền nợ gốc tương ứng nhưng cũng chỉ là lời trình bày, không có chứng cứ chứng minh. Mặt khác, bà Y cũng không thừa nhận việc này nên xác định ông Q vẫn còn nợ bà Y số tiền 155.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự)

- Về trách nhiệm trả nợ: bà Y yêu cầu ông Q và bà N cùng có nghĩa vụ trả nợ. Bà N cũng xác định việc ông Q vay tiền của bà Y để phát triển kinh tế gia đình. Nay bà Y yêu cầu ông Q, bà N liên đới trả số tiền 155.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về lãi suất: căn cứ vào giấy vay tiền ngày 26/5/2020 âm lịch (tức ngày 16/7/2020 dương lịch) thì lãi suất theo thỏa thuận của các bên là 01%/ tháng, mức lãi suất này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Ông Q và bà N phải trả lãi cho bà Y, ông N1 theo mức lãi suất 01%/tháng, tính từ ngày vay tiền 26/5/2020 âm lịch (tức ngày 16/7/2020 dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Bùi Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị Y và ông Lương Việt N1 tổng số tiền cả gốc và lãi 243.815.000 đồng là phù hợp.

[2.2] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Q kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở nên không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản bản sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3- Bắc Ninh) theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án..

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Q; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - tỉnh Bắc Ninh).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002030 ngày 20/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - tỉnh Bắc Ninh).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Hùng

Triệu Thị Luyện

Phạm Thị Chuyền